

Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Zhang Zheng Ming	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Ngày 5 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Thu Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	Ngày 27 tháng 2 năm 2015
Bà Phạm Thị Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	Ngày 5 tháng 5 năm 2016
Ông Song Li Wei	Thành viên Hội đồng quản trị	Ngày 27 tháng 2 năm 2015
Ông Trần Anh Thái	Thành viên Hội đồng quản trị	Ngày 31 tháng 10 năm 2007

Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Mạnh Hùng	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Đỗ Trường Giang	Thành viên	Ngày 5 tháng 5 năm 2016

Ban Giám đốc

Ông Zhang Zheng Ming	Giám đốc	Ngày 7 tháng 5 năm 2015
----------------------	----------	-------------------------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp cùng với các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,


Zhang Zheng Ming
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018



Báo cáo kiểm toán độc lập

về các báo cáo tài chính của

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor
Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam
T +84 24 3850 1686
F +84 24 3850 1688

Số: 17-11-043-02

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thông tin giải trình khác.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, Công ty có các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn khoảng 6.781 triệu VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (31 tháng 12 năm 2016: khoảng 8.642 triệu VNĐ). Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009, hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Với các thông tin hiện có, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập cho các khoản phải thu này và các ảnh hưởng khác, nếu có, trong các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng, nếu có, của vấn đề nêu tại đoạn *Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên*, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ với các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- (i) Như đã trình bày trong Thuyết minh số 8, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch Hợp đồng xây dựng của Công trình Bãi thải xỉ Thái Bình và Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013 và 2015 căn cứ theo các bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định khoảng 502 triệu VNĐ, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi các chủ đầu tư. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế của các công trình này với các chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi các khoản phải thu này là không chắc chắn và phụ thuộc vào các kết quả đàm phán trong tương lai. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này trong thời gian tới nếu không tiến hành nghiệm thu được với các chủ đầu tư. Các báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất cứ các điều chỉnh nào có thể liên quan đến các vấn đề nêu trên.
- (ii) Ngoài ra, như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến các dự án đã được quyết toán từ những năm trước. Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng kỳ, Công ty đã không trình bày lại báo cáo tài chính của năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào các báo cáo tài chính của năm hiện tại.

Vấn đề khác

Các thông tin tài chính cho mục đích so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng, là các thông tin được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2017, đưa ra ý kiến ngoại trừ cho khoản mục Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Lê Thế Việt
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0821-2018-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Dịch Dũng
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2484-2014-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	15.167.631.716	19.543.480.265
Tiền và các khoản tương đương tiền		110	4.515.597.246	5.695.498.327
Tiền	5	111	4.515.597.246	5.695.498.327
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	10.606.252.060	13.825.060.438
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	131	6.881.226.953	10.878.219.527
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	132	1.186.424.320	997.000.000
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	8	134	4.640.225.255	5.828.029.024
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	2.305.645.193	529.081.548
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	137	(4.407.269.661)	(4.407.269.661)
Hàng tồn kho		140	25.309.218	-
Hàng tồn kho	11	141	25.309.218	-
Tài sản ngắn hạn khác		150	20.473.192	22.921.500
Chi phí trả trước ngắn hạn		151	-	22.921.500
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	17.667.839	-
Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước		153	2.805.353	-
Tài sản dài hạn		200	573.018.400	575.964.245
Các khoản phải thu dài hạn		210	50.000.000	50.000.000
Phải thu dài hạn khác	9	216	50.000.000	50.000.000
Tài sản cố định		220	-	-
Tài sản cố định hữu hình	10	221	-	-
- Nguyên giá		222	525.112.545	525.112.545
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(525.112.545)	(525.112.545)
Tài sản dở dang dài hạn		240	517.214.230	517.214.230
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	11	241	517.214.230	517.214.230
Tài sản dài hạn khác		260	5.804.170	8.750.015
Chi phí trả trước dài hạn		261	5.804.170	8.750.015
Tổng tài sản		270	15.740.650.116	20.119.444.510

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	5.667.629.605	5.431.097.615
Nợ ngắn hạn		310	5.373.629.605	5.137.097.615
Phải trả người bán ngắn hạn	12	311	3.041.270.698	2.888.815.933
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	312	1.843.894.074	1.742.523.008
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	313	4.494.494	57.749.943
Phải trả người lao động		314	377.094.548	310.863.265
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	38.186.753	-
Phải trả ngắn hạn khác	15	319	68.689.038	137.145.466
Nợ dài hạn		330	294.000.000	294.000.000
Phải trả dài hạn khác	15	337	294.000.000	294.000.000
Vốn chủ sở hữu		400	10.073.020.511	14.688.346.895
Vốn chủ sở hữu	16	410	10.073.020.511	14.688.346.895
Vốn góp của chủ sở hữu	17	411	20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		418	146.866.588	146.866.588
Lỗi lũy kế		421	(10.073.846.077)	(5.458.519.693)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước		421a	(6.106.242.276)	(689.152.598)
- Lỗi năm nay		421b	(3.967.603.801)	(4.769.367.095)
Tổng nguồn vốn		440	15.740.650.116	20.119.444.510

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018



Zhang Zheng Ming
Giám đốc

Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Trương Thị Hải Yến
Người lập


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh


cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		368.136.519	1.836.569.695
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		368.136.519	1.836.569.695
Giá vốn hàng bán	21	11	(155.676.819)	(2.000.541.672)
Lãi/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		212.459.700	(163.971.977)
Doanh thu hoạt động tài chính		21	491.411	1.480.458
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,21	26	(2.347.571.717)	(4.594.751.434)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		30	(2.134.620.606)	(4.757.242.953)
Thu nhập khác		31	1.500.027	-
Chi phí khác	20	32	(1.834.483.222)	(4.708.942)
Lỗ khác		40	(1.832.983.195)	(4.708.942)
Tổng lỗ kế toán trước thuế		50	(3.967.603.801)	(4.761.951.895)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	51	-	(7.415.200)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22	52	-	-
Lỗ sau thuế TNDN	17	60	(3.967.603.801)	(4.769.367.095)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	17	71	(1.984)	(2.385)

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018


Zhang Zheng Ming
Giám đốc


Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Trương Thị Hải Yến
Người lập

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(phương pháp gián tiếp)


cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lỗ trước thuế		01	(3.967.603.801)	(4.761.951.895)
Điều chỉnh cho các khoản:				
Các khoản dự phòng		03	-	2.206.096.884
Lãi từ hoạt động đầu tư		05	-	(1.480.458)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08		
			(3.967.603.801)	(2.557.335.469)
Thay đổi các khoản phải thu		09	3.201.129.530	12.942.659.881
Thay đổi hàng tồn kho		10	(25.309.218)	967.780.798
Thay đổi các khoản phải trả		11	(406.569.737)	(3.956.061.460)
Thay đổi chi phí trả trước		12	25.867.345	47.137.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		15	(7.415.200)	(1.827.043.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	(1.179.901.081)	5.617.137.690
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi tiền gửi		27	-	1.480.458
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		30	-	1.480.458
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	(1.179.901.081)	5.618.618.148
Tiền và tương đương tiền đầu năm		5 60	5.695.498.327	76.880.179
Tiền và tương đương tiền cuối năm		5 70	4.515.597.246	5.695.498.327

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018



Zhang Zheng Ming
Giám đốc


Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Trương Thị Hải Yến
Người lập

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam (sau đây được gọi là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103020312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi sau đó.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công ty nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh mới nhất lần thứ 8 số 0102403985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp để thay đổi địa chỉ trụ sở chính (sau đây gọi chung là "Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp").

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 20.000.000.000 đồng.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn và thiết kế xây dựng.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phong điện, cơ sở hạ tầng và đường dây, trạm biến áp và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng, lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi bắt đầu tư vấn, thiết kế cho đến khi kiểm định bàn giao cho khách hàng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại số S3, T17, tòa nhà 319 Bộ Quốc Phòng, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Trung tâm tư vấn PVPE, Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi nhánh có trụ sở ở số 302, đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 9 nhân viên (31 tháng 12 năm 2016: 10 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền ký quỹ, ký cược tại ngân hàng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.5 Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị hợp đồng đã thỏa thuận trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các dự án đang thực hiện.

4.6 Các khoản phải thu và phải trả kế hoạch theo tiến độ hợp đồng xây dựng

Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng là khoản chi phí phát sinh cộng với lợi nhuận đã ghi nhận, trừ đi tổng các khoản lỗ đã ghi nhận và các hóa đơn thanh toán cho tất cả các hợp đồng đang thực hiện mà chi phí phát sinh cộng với lợi nhuận đã ghi nhận (trừ đi lỗ đã ghi nhận) lớn hơn các hóa đơn thanh toán.

Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng là khoản chi phí phát sinh cộng với lợi nhuận đã ghi nhận, trừ đi tổng các khoản lỗ đã ghi nhận và các hóa đơn thanh toán cho tất cả các hợp đồng đang thực hiện mà các hóa đơn thanh toán vượt quá chi phí phát sinh cộng với lợi nhuận đã ghi nhận (trừ đi lỗ đã ghi nhận).

4.7 Tài sản dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng các khoản lỗ hợp đồng. Dự phòng các khoản lỗ hợp đồng được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị hợp đồng đã thỏa thuận trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành dự án. Giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các dự án đang thực hiện.

4.8 Chi phí trả trước

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu đồng và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ bốn (4) tháng đến hai (2) năm.

4.9 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.10 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.11 Lợi ích nhân viên

Lợi ích hưu trí

Lợi ích hưu trí được trả cho những nhân viên đã nghỉ hưu bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng phí bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 18% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng. Công ty không còn nghĩa vụ nào khác đóng góp trợ cấp hưu trí cho nhân viên. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2017, theo Nghị định 44/2017/NĐ-CP, Công ty có nghĩa vụ đóng góp vào quỹ trợ cấp hưu trí thông qua đóng bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội theo tỷ lệ 17,5% dựa trên mức lương cơ bản hàng tháng.

Bảo hiểm thất nghiệp

Theo các quy định về pháp luật lao động tại Việt Nam và văn bản gần nhất, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2015 hướng dẫn thực hiện Luật Việc làm số 38/2013/QH13 về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ trích 1% quỹ lương để trả bảo hiểm thất nghiệp đối với những cá nhân tham gia đóng bảo hiểm và đồng thời khấu trừ 1% lương tháng của mỗi nhân viên để đóng góp cho Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh vốn do chủ sở hữu đầu tư hiện có và tình hình tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.13 Cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

4.14 Doanh thu

Khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả của hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Nếu khả năng tổng chi phí hợp đồng sẽ vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng được xác định tương đối chắc chắn thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm.

Nếu phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định đã ghi nhận (trừ lỗ đã ghi nhận) vượt quá yêu cầu thanh toán theo tiến độ thì số dư được phân loại thành khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Nếu yêu cầu thanh toán theo tiến độ vượt quá phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định đã ghi nhận (trừ lỗ đã ghi nhận) thì số dư được phân loại thành khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

4.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.16 Lãi/Lỗ trên mỗi cổ phiếu

Lãi/Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi/Lỗ cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phú lợi trên số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.17 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cuối cùng của các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.18 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế ("IFRS") về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu trình bày và thuyết minh đối với các công cụ tài chính theo IFRS, do vậy việc ghi nhận và đánh giá các tài sản và khoản nợ thể hiện trên báo cáo tài chính của Công ty vẫn tuân theo quy định của Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thành các nhóm sau đây:

Đối với tài sản tài chính:

- Tài sản tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Đối với các khoản nợ tài chính:

- Nợ tài chính ghi nhận lãi lỗ theo giá trị hợp lý
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ.

4.19 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.



4.20 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.21 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.994.398	4.888.007
Tiền gửi ngân hàng	4.513.602.848	5.690.610.320
	4.515.597.246	5.695.498.327

6. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
Phải thu khách hàng là các bên thứ ba				
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực – Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	1.218.910.405	-	1.218.910.405	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia	-	-	2.183.690.600	-
Ban QLDA điện lực dầu khí Long Phú - Sông Hậu	211.256.999	-	211.256.999	-
Khách hàng khác	246.894.997	-	198.561.359	-
	1.677.062.401	-	3.812.419.363	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh 25)				
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	1.020.503.162	-	3.037.088.945	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc	4.183.661.390	-	4.028.711.219	-
	5.204.164.552	-	7.065.800.164	-
	6.881.226.953	-	10.878.219.527	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn như sau:

Đối tượng	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Quá hạn (tháng)	Giá trị VNĐ	Quá hạn (tháng)	Giá trị VNĐ
Ban QLDA Phát triển Điện lực – Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	60	1.218.910.405	48	1.218.910.405
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	36	1.020.503.162	24	3.037.088.945
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	24	4.183.661.390	12	4.028.711.219
Ban QLDA điện lực dầu khí Long Phú - Sông Hậu	27	211.256.999	15	211.256.999
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	84	146.469.449	72	146.469.449
		6.780.801.405		8.642.437.017

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	VNĐ		VNĐ	
Công ty cổ phần xây dựng Thành Nam	900.000.000		900.000.000	
Công ty TNHH TV và CGCN môi trường Thăng Long	189.424.320		-	
Các nhà cung cấp khác	97.000.000		97.000.000	
	1.186.424.320		997.000.000	

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Công trình Nậm Pàn (Thuyết minh 10)	4.138.319.061	(4.138.319.061)	4.138.319.061	(4.138.319.061)
Công trình thủy điện Đăkrinh	-	-	908.953.539	-
Hợp đồng Bãi thải xỉ Thái Bình (i)	278.850.231	-	557.700.462	-
Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (i)	223.055.963	-	223.055.962	-
	4.640.225.255	(4.138.319.061)	5.828.029.024	(4.138.319.061)

- (i) Phản ánh số dư các khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch Hợp đồng xây dựng của Công trình Bãi thải xỉ Thái Bình và Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ghi nhận lần lượt từ các năm 2013 và 2015 căn cứ theo các bảng xác nhận khối lượng hoàn thành do Công ty tự xác định khoảng 502 triệu VNĐ, đến nay chưa được nghiệm thu và xác nhận bởi các chủ đầu tư. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, Công ty vẫn đang trong quá trình thương thảo và quyết toán khối lượng phát sinh thực tế của các công trình này với các chủ đầu tư. Do đó khả năng thu hồi các khoản phải thu này là không chắc chắn và phụ thuộc vào các kết quả đàm phán trong tương lai. Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này trong thời gian tới nếu không tiến hành nghiệm thu được với các chủ đầu tư.

9. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải thu khác ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hải Long (Thuyết minh 10)	268.950.600	(268.950.600)	268.950.600	(268.950.600)
Ông Zhang Zheng Ming (i)	1.974.475.942	-	-	-
Tạm ứng cho công nhân viên	56.877.000	-	146.074.874	-
Khác	5.341.651	-	114.056.074	-
	2.305.645.193	(268.950.600)	529.081.548	(268.950.600)
Phải thu khác dài hạn				
Ký quỹ thuê văn phòng	50.000.000	-	50.000.000	-
	2.355.645.193	(268.950.600)	579.081.547	(268.950.600)

- (i) Khoản tạm ứng cho Ông Zhang Zheng Ming, Giám đốc, để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31 tháng 12 năm 2017			31 tháng 12 năm 2016		
	Giá trị có thể			Giá trị có thể		
	Giá gốc VNĐ	thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công trình Thủy điện						
Nậm Pàn (Thuyết minh 8)	4.138.319.061	-	4.138.319.061	4.138.319.061	-	4.138.319.061
Công ty Cổ phần Hải						
Long (Thuyết minh 9)	268.950.600	-	268.950.600	268.950.600	-	268.950.600
	4.407.269.661	-	4.407.269.661	4.407.269.661	-	4.407.269.661

11. Hàng tồn kho

	30 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình		
<i>Ngắn hạn</i>		
Công trình bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện Thái Bình	25.309.218	-
	25.309.218	-
<i>Dài hạn</i>		
Công trình Nhiệt điện Quảng Trạch (i)	447.684.616	447.684.616
Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình	69.529.614	69.529.614
	517.214.230	517.214.230
	542.523.448	517.214.230

- (i) Công trình nhiệt điện Quảng Trạch theo Hợp đồng số 46/2011 và 56/2011 đã phát sinh từ năm 2014 và năm 2015. Các dự án này bị chậm tiến độ và thời gian luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên Công ty đã phân loại thành chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Công ty cổ phần tư vấn Việt - Delta	1.670.425.567	1.468.913.356
Tổng Công ty TV TK Dầu khí	556.045.763	556.045.763
Công ty CP Bảo hiểm Toàn Cầu - CN Tây Bắc	303.218.000	303.218.000
Công ty TV Địa kỹ thuật - CN TCT TVXD thủy lợi VN	340.336.868	340.336.868
Công ty cổ phần khoáng sản Cổ Kênh	171.244.500	220.301.946
	3.041.270.698	2.888.815.933

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Người mua trả tiền trước là các bên thứ ba		
Ban QLDA Điện lực dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (i)	1.422.555.556	1.422.555.556
Công ty khác	165.452.198	319.967.452
	1.588.007.754	1.742.523.008
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Thuyết minh 22)		
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	255.886.320	-
	1.843.894.074	1.742.523.008

- (i) Trong năm 2011, Ban Quản lý dự án Vũng Áng – Quảng Trạch đã tạm ứng cho Công ty số tiền khoảng 1.443 triệu VNĐ để thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch theo Hợp đồng số 56/2011. Hiện tại Dự án này đang được chuyển giao lại cho chủ đầu tư mới là Tập đoàn điện lực Việt Nam ("EVN") và Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư để xác định khối lượng công việc đã thực hiện và đánh giá khả năng tiếp tục thực hiện của dự án này.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phản ánh khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

15. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Phải trả ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội	7.354.635	13.235.705
Kinh phí công đoàn	5.416.050	10.929.432
Phải trả khác	55.918.353	112.980.329
	68.689.038	137.145.466
Phải trả dài hạn khác		
Cổ tức từ năm 2011 phải trả cổ đông (i)	294.000.000	294.000.000
	362.689.038	431.145.466

- (i) Khoản còn phải trả cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ-TVĐLDK năm 2012 về phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2011 có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 294 triệu VNĐ. Đây là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông cũ là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Công ty xác định khoản phải trả cổ đông này chưa phải chi trả trong thời gian 12 tháng tiếp theo nên Công ty phân loại đây là khoản phải trả dài hạn.

16. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư, 1 tháng 1 năm 2016	20.000.000.000	146.866.588	(689.152.598)	19.457.713.990
Lỗ trong năm	-	-	(4.769.367.095)	(4.769.367.095)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2016	20.000.000.000	146.866.588	(5.458.519.693)	14.688.346.895
Số dư, 1 tháng 1 năm 2017	20.000.000.000	146.866.588	(5.458.519.693)	14.688.346.895
Lỗ trong năm	-	-	(3.967.603.801)	(3.967.603.801)
Điều chỉnh (i)	-	-	(647.722.583)	(647.722.583)
Số dư, 31 tháng 12 năm 2017	20.000.000.000	146.866.588	(10.073.846.077)	10.073.020.511

- (i) Trong năm, Công ty đã rà soát và điều chỉnh các số dư liên quan đến các dự án đã được quyết toán từ những năm trước. Tuy nhiên do không thể xác định được ảnh hưởng của sai sót đến từng kỳ, Công ty đã không trình bày lại các báo cáo tài chính của các năm trước mà điều chỉnh các sai sót này vào báo cáo tài chính của năm hiện tại.

17. Vốn cổ phần

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn cổ phần đăng ký của Công ty là 20 tỷ đồng, được chia thành 2.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Chi tiết vốn cổ phần được phê duyệt và cổ phiếu đã phát hành như sau:

	31 tháng 12 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được phê duyệt	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	-	-	-	-
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000

Chi tiết góp vốn của các cổ đông như sau:

	Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017		Vốn đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	4.980.000.000	25%	4.980.000.000	25%
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	1.919.000.000	10%	1.919.000.000	10%
Ông Zhang Ping	1.431.000.000	7%	1.431.000.000	7%
Các cổ đông khác	11.670.000.000	58%	11.670.000.000	58%
	20.000.000.000	100%	20.000.000.000	100%

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

Đơn vị	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	VNĐ	Cổ phiếu	VNĐ	Cổ phiếu
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông	(3.967.603.801)		(4.769.367.095)	
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm		2.000.000		2.000.000
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	VNĐ/cổ phiếu	(1.984)	VNĐ/cổ phiếu	(2.385)

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	1.453.277.828	1.373.967.630
Chi phí dự phòng	-	2.206.136.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.148.682	607.463.327
Chi phí khác	815.145.207	407.183.593
	2.347.571.717	4.594.751.434

20. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Phạt thực hiện hợp đồng (i)	1.753.669.602	-
Khác	80.813.620	4.708.942
	1.834.483.222	4.708.942

(i) Đây là khoản phạt mà Công ty phải chịu do chậm tiến độ thi công Công trình nhà hàng đa năng của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với tỷ lệ nộp phạt chậm tiến độ là 4,4% toàn bộ giá trị các hạng mục chưa thực hiện của Hợp đồng và các Phụ lục liên quan (đã bao gồm VAT).

21. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân công	1.475.277.828	1.906.728.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.825.501	1.107.463.326
Chi phí lập dự phòng	-	2,803,920,459
Chi phí khác	818.454.425	777.180.817
	2.528.557.754	6.595.293.106

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") theo thuế suất thuế TNDN chung trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN chung là 22% trong các năm 2014 và 2015 và 20% cho các năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính toán như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Lỗ kế toán trước thuế	(3.967.603.801)	(4.769.367.095)
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Chi phí dự phòng	-	2.803.920.459
Chi phí không được khấu trừ	79.763.476	24.261.819
Lỗ chịu thuế sau khi đối chiếu	(3.887.840.325)	(1.933.769.618)
Điều chỉnh thuế TNDN từ các năm trước	-	7.415.200
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	7.415.200

Chuyển lỗ

Các khoản lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ phần lợi nhuận chịu thuế của năm (5) năm tiếp theo thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Số dư lỗ lũy kế có thể mang sang các năm tiếp theo tùy thuộc vào việc kiểm tra và chấp nhận của cơ quan thuế.

Khoản lỗ ước tính hết hạn theo các năm:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ còn được chuyển VNĐ	Lỗ đã sử dụng	Lỗ quá hạn	Lỗ mang sang VNĐ	Năm quá hạn
2016	Chưa quyết toán	1.933.769.618	-	-	1.933.769.618	2022
2017	Chưa quyết toán	3.887.840.325	-	-	3.887.840.325	2023
		5.821.609.943	-	-	5.821.609.943	

Tài sản thuế hoãn lại tính trên khoản lỗ có thể mang sang các năm tiếp theo không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vì chưa có cơ sở chắc chắn rằng khoản lợi ích trong tương lai của tài sản đó sẽ được thực hiện. Ngoài ra, tài sản thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

23. Nợ tiềm tàng

Từ năm 2010 đến năm 2015, Công ty đã ghi nhận doanh thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng tuy nhiên đã không thực hiện kê khai thu nhập chịu thuế đối với các khoản còn phải thu theo tiến độ kế hoạch Hợp đồng xây dựng. Đồng thời, Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch Hợp đồng xây dựng. Việc trích lập dự phòng này chưa đủ hồ sơ và chứng từ hợp lý để được tính vào chi phí được trừ theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC về trích lập dự phòng và Thông tư 96/2015/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 12/2015/NĐ-CP về thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có thể bị truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản thu nhập và chi phí đã trừ này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng cho khoản nợ tiềm tàng này trên báo cáo tài chính năm 2017 vì Công ty cho rằng chi phí này là chưa chắc chắn xảy ra và còn tùy thuộc vào kết quả thanh tra của cơ quan thuế.

24. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông	Tư vấn và thiết kế công trình	-	1.382.275.601
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	Công ty liên kết	Tư vấn và thiết kế công trình	368.136.519	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất	31 tháng 12 năm 2017	
			Người mua trả tiền trước VNĐ	Phải thu VNĐ
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	Cổ đồng	Thương mại	-	1.020.503.162
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	Công ty liên kết	Thương mại	-	4.183.661.390
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	Công ty liên kết	Thương mại	255.886.320	-
			255.886.320	5.204.164.552

Các bên có liên quan	Quan hệ	Bản chất	31 tháng 12 năm 2016	
			Người mua trả tiền trước VNĐ	Phải thu VNĐ
Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc	Cổ đồng	Thương mại	-	3.037.088.945
Công ty CP XD TM & Khoáng sản Hoàng Phúc	Công ty liên kết	Thương mại	-	4.028.711.219
			-	7.065.800.164

25. Thù lao của Ban Giám đốc

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc nhận được thù lao như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
Lương và phụ cấp	219.500.000	315.554.509

26. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính


Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

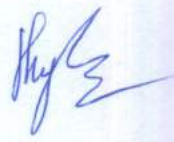
27. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018


Zhang Zheng Ming
Giám đốc


Trương Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Trương Thị Hải Yến
Người lập